

Số: 1047/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 31 tháng 3 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công bố hiện trạng rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 42/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 3127/SNNMT-KHTC ngày 31/3/2026.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố hiện trạng rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2025, với các nội dung chính như sau:

1. Hiện trạng rừng và đất chưa có rừng (tính đến ngày 31/12/2025):

a) Diện tích đất có rừng:	880.871,64 ha;
- Rừng tự nhiên:	659.017,11 ha;
- Rừng trồng:	221.854,53 ha;
b) Diện tích đất chưa có rừng:	259.684,58 ha;
- Diện tích đã trồng cây chưa đạt tiêu chí thành rừng:	87.241,01 ha;
- Diện tích khoanh nuôi tái sinh:	38.013,6 ha;
- Diện tích khác:	134.429,97 ha.

2. Tỷ lệ che phủ rừng:

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 là 59,41%;

*Trong đó:*

- + Tỷ lệ che phủ rừng trong quy hoạch lâm nghiệp: 55,93%;
- + Tỷ lệ che phủ rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp: 3,48%.

*(Chi tiết tại các Biểu số 01, 02, 03 và 04 kèm theo)*

3. Hồ sơ thành quả theo dõi diễn biến rừng:

a) Công văn 3127/SNNMT-KHTC ngày 31/3/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các hồ sơ kèm theo;

b) Bản đồ hiện trạng rừng và thông tin thuộc tính (*dạng số*) do Chi cục Kiểm lâm lập.

**Điều 2.** Trách nhiệm quản lý nhà nước về lâm nghiệp sau khi công bố hiện trạng rừng

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm tiếp tục theo dõi diễn biến rừng hàng năm; thực hiện việc quản lý, khai thác, sử dụng và lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu diễn biến rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định; cung cấp số liệu, bản đồ về hiện trạng rừng cho các sở, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan để sử dụng vào việc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

2. Thống kê tỉnh và các đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu về hiện trạng rừng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa kết quả thống kê, kiểm kê đất đai với kết quả theo dõi diễn biến rừng hàng năm.

3. Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có trách nhiệm quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp theo quy định của Luật Lâm nghiệp; tổ chức quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và sử dụng đất quy hoạch lâm nghiệp theo quy định; sử dụng số liệu hiện trạng rừng để thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, các Chương trình mục tiêu quốc gia hàng năm và cập nhật diễn biến rừng năm tiếp theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Thống kê tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Cục lâm nghiệp và Kiểm lâm;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh Đỗ Tâm Hiến;
- VP UBND tỉnh: PCVP Nguyễn Đăng Trình;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT.NTPH

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đỗ Tâm Hiến**